TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Phú
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Gái
2. Ông Phan Kim Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2018/QĐST-DS ngày 09/11/2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 618/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thanh A, sinh năm 1973

Bị đơn: Ông Trần Phước B, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Căn hộ C08-08 chung cư A, 37 đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà A có đơn xin vắng mặt; ông B vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Phan Thanh A trình bày:

Bà và ông Trần Phước B tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01 ngày 29/10/2001. Trong cuộc sống chung thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống cũng như trong cách nuôi dạy con, vợ chồng không thể hòa hợp, hôn nhân không hạnh phúc. Vì mâu thuẫn kéo dài nên bà và ông B đã sống ly thân từ năm 2014. Nay nhận thấy mâu thuẫn quá trầm trọng không thể giải quyết được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Phước B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Trần Phước B có 02 (hai) con chung là Trần Phước C, sinh ngày 27/02/2000 và Trần Phước D, sinh ngày 15/11/2003. Cháu

Trần Phước C đã trên 18 tuổi. Khi ly hôn bà A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phước D. Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Phan Thanh A có đơn yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt do bận công tác.

Bị đơn ông Trần Phước B vắng mặt trong quá trình Tòa án nhân dân Quận 2 tiến hành tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời trình bày của ông B.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, cần đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Phan Thanh A yêu cầu ly hôn với ông Trần Phước B; bị đơn ông B có nơi cư trú tại Quận 2 nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Phước B đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án nhân dân Quận 2 đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Lần 1: Vào ngày 23/8/2018, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án số 172/TB-TLVA ngày 16/4/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 172/TB-TA ngày 23/8/2018; Giấy triệu tập đương sự ngày 23/8/2018 triệu tập ông Trần Phước B đến Tòa án nhân dân Quận 2 vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 23/8/2018 để cung cấp lời khai và tài liệu chứng cứ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B vắng mặt không có lý do;
- Lần 2: Vào ngày 12/9/2018, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án số 172/TB-TLVA ngày 16/4/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 214/TB-TA ngày 11/9/2018; Giấy triệu tập đương sự ngày 11/9/2018 triệu tập ông Trần Phước B đến Tòa án nhân dân Quận 2 vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 28/9/2018 để cung cấp lời khai và tài liệu chứng cứ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B vắng mặt không có lý do;
- Lần 3: Vào ngày 23/10/2018, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 584/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/10/2018 và Giấy triệu tập đương sự ngày

22/10/2018 triệu tập ông Trần Phước B đến Tòa án nhân dân Quận 2 vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 09/11/2018 để tham gia phiên tòa nhưng ông B vắng mặt không có lý do;

- Lần 4: Vào ngày 12/11/2018, niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2018/QĐST-DS ngày 09/11/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 618/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/11/2018 và Giấy triệu tập đương sự ngày 09/11/2018 triệu tập ông Trần Phước B đến Tòa án nhân dân Quận 2 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 29/11/2018 để tham gia phiên tòa nhưng ông B vắng mặt không có lý do.

Ngày 09/11/2018, nguyên đơn bà Phan Thanh A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa lần 2 đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về yêu cầu của đương sự:

[1] Bà Phan Thanh A và ông Trần Phước B tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01 ngày 29/10/2001. Do đó, hôn nhân giữa bà A và ông B là hợp pháp.

Bà A cho rằng quá trình chung sống giữa bà và ông B phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, trong việc nuôi dạy con. Mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014, mỗi người tự lo cuộc sống của riêng mình.

Tại Phiếu yêu cầu xác minh số 382/PYCXM ngày 12/7/2018, Ủy ban nhân dân phường C, Quận D cho biết không rõ nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh tranh chấp ly hôn giữa bà Phan Thanh A và ông Trần Phước B.

Trong quá trình Tòa án nhân dân Quận 2 tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa, ông Trần Phước B đều vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 2 niêm yết các văn bản tố tụng nhiều lần. Điều đó cho thấy ông B đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B.

Bà A nhiều lần có mặt tại Tòa án tham gia phiên hòa giải nhưng ông B không đến nên bà có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải thêm và cũng đề nghị vắng mặt tại phiên tòa lần 2. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận lời trình bày của bà A về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông B không thể giải quyết được.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "Khi vợ hoặc chồng ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được". Như vậy, bà A yêu cầu được ly hôn với ông B là có căn cứ, phù hợp luật định.

[2] Về con chung: Bà Phan Thanh A và ông Trần Phước B có 02 (hai) con chung là Trần Phước C, sinh ngày 27/02/2000 và Trần Phước D, sinh ngày 15/11/2003. Cháu Trần Phước C đã trên 18 tuổi.

Xét yêu cầu của bà A về việc giao con chung là Trần Phước D, sinh ngày 15/11/2003 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu Thuận mong muốn được sống với mẹ, thể hiện tại bản tự khai ngày 26/6/2018. Bà A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do có yêu cầu ly hôn nên bà A phải chịu tiền án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thanh A:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thanh A được ly hôn với ông Trần Phước B (Giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01 ngày 29/10/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh).

2. Về con chung: Bà Phan Thanh A và ông Trần Phước B có 02 (hai) con chung là Trần Phước C, sinh ngày 27/02/2000 và Trần Phước D, sinh ngày 15/11/2003. Cháu Trần Phước C đã trên 18 tuổi. Giao con chung là Trần Phước D, sinh ngày 15/11/2003 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không

ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Phan Thanh A phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0015078 ngày 16/4/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập. Bà A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

- Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 2;
- THADS Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Ngọc Phú